

4.2. Đề nghị

Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật bổ sung cho giống lạc L26 và giống lạc L27 trong điều kiện che phủ rơm rạ, nhằm hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác để khuyến cáo, mở rộng tại các tỉnh trồng lạc phía Bắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ **Nông nghiệp và PTNT**, 2011. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống lạc (QCVN 01-57: 2011/BNNPTNT).

Nguyễn Huy Hoàng, Nguyễn Đình Hiền, Lê Quốc Thanh, 2014. *Thiết kế, thí công thí nghiệm xử lý số liệu và phân tích kết quả trong nghiên cứu nông nghiệp*. NXB Khoa học kỹ thuật. Hà Nội.

Nguyễn Huy Hoàng, Lê Hữu Cần, Nguyễn Bá Thông, Lê Quốc Thanh, Nguyễn Đình Hiền, Phạm Anh Giang, 2017. *Phương pháp thí nghiệm và thống kê sinh học*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân. Hà Nội.

Tổng cục Thống kê, 2016. *Niên giám thống kê 2016*. NXB thống kê.

Eberhart, S.A. and Russel W.L., 1966. Stability parameters for comparing varieties. *Crop. Sci.*, 6: 36-40.

FAO, 2017. *FAOSTAT*. Database, <http://faostat.fao.org>.

Study on selection of suitable peanut varieties under rice straw mulching condition in Northern provinces of Vietnam

Hoang Tuyen Phuong, Nguyen Huy Hoang,
Le Quoc Thanh, Tran Cong Hanh

Abstract

The study was carried out with five peanut varieties named L14, L20, L26, L27 and TK10 in the Spring and Autumn-Winter seasons in two years of 2014 to 2015 in three provinces including Bac Giang, Nam Dinh and Thanh Hoa. The results of the study investigated that L26 and L27 were widely adaptable under rice straw covering and were better than other varieties. The average pod yield of L26 ranged from 3.50 - 4.78 tons ha⁻¹ and 2.52 - 3.20 tons ha⁻¹ in the Spring season and Autumn-Winter season, respectively. L27 yielded 3.53 - 4.65 tons ha⁻¹ in the Spring season and 2.58 - 3.25 tons ha⁻¹ in the Autumn - Winter season at the studied sites. Stability analysis at three different locations showed that the L26 and L27 possessed fair stability and wider adaptation in both Spring and Autumn - Winter seasons. *bi* and *S*²*d* values of L26, L27 were not statistically significant difference and differed from 1 and 0, having the highest yield; L14 và L20 adapted to infertile soil in the Spring seasons.

Keywords: L26 peanut variety, L27 peanut variety, high yield, rice straw mulching

Ngày nhận bài: 18/9/2019

Ngày phản biện: 30/9/2019

Người phản biện: TS. Nguyễn Văn Thắng

Ngày duyệt đăng: 14/10/2019

KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN GIỐNG ĐẬU ĐỔ VÀ XÂY DỰNG MÔ HÌNH XEN CANH CÂY ĐẬU ĐỔ VỚI MÍA TẠI NGHỆ AN

Hoàng Tuyền Phương¹, Nguyễn Huy Hoàng¹,
Trần Quang Tùng¹, Trần Công Hạnh², Tống Văn Giang²

TÓM TẮT

Trong giai đoạn 2016 - 2017, Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam đã tiến hành tuyển chọn xác định bộ giống và xây dựng mô hình xen canh, luân canh bắt buộc một số cây đậu đỗ với mía tại Nghệ An. Kết quả đã xác định được giống lạc L26, giống đậu tương ĐT26 thích hợp cho trồng xen canh mía tại các vùng nguyên liệu. Hiệu quả từ các mô hình xen canh cây đậu đỗ với mía trên chân đất đồi cho thu nhập từ 39,960 - 55,370 triệu đồng/ha, cao hơn mô hình mía trồng thuần từ 9,140 - 24,550 triệu đồng/ha; trên chân đất bãi cho thu nhập từ 56,060 - 57,200 triệu đồng/ha, cao hơn mô hình mía trồng thuần từ 11,930 - 13,070 triệu đồng/ha. Tỷ suất lợi nhuận cân biên (MBCR) của mô hình mía xen cây đậu đỗ so với mô hình mía trồng thuần đạt từ 1,86 - 3,07 nên cần được khuyến cáo mở rộng vào sản xuất.

Từ khóa: Cây đậu đỗ, cây mía, tuyển chọn, xen canh, Nghệ An

¹ Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông; ² Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mía là cây trồng quan trọng và mang ý nghĩa chiến lược trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Nghệ An. Theo Niên giám thống kê 2017, tỉnh Nghệ An có tổng diện tích mía đạt 24.560 ha năng suất đạt 55,58 tấn/ha, tổng sản lượng mía nguyên liệu trên toàn tỉnh ước đạt 1.368.000 tấn, giảm cả về tổng diện tích và năng suất so với năm 2015 Nghệ An có tổng diện tích mía đạt 26.700 ha năng suất bình quân đạt 58,43 tấn/ha (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nghệ An, 2018).

Trong những năm vừa qua, sản xuất mía tại tỉnh Nghệ An có biểu hiện giảm cả về diện tích và năng suất, khó khăn đó là do giá mía đầu ra thấp và không ổn định, năng suất mía trung bình của toàn tỉnh còn thấp, chất lượng mía đường không đồng đều giữa các địa phương. Bên cạnh đó, tình trạng sâu bệnh hại mía ngày càng có dấu hiệu gia tăng, đất đai ngày càng thoái hóa và suy kiệt dinh dưỡng do mức đầu tư của người dân giảm, giá cả vật tư leo thang đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành sản xuất mía đường của tỉnh. Để từng bước ổn định và phát triển bền vững sản xuất mía tại vùng nguyên liệu, rất cần những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả canh tác và thu nhập trên một đơn vị diện tích, hạn chế sâu bệnh hại, từng bước bồi dưỡng và cải tạo đất trồng mía.

Trồng xen các cây trồng với mía đã được nhiều tác giả trong và ngoài nước đề cập. Biện pháp trồng xen có thể được coi như một giải pháp hữu hiệu khi sản xuất mía gặp khó khăn bởi ngoài việc tăng đáng kể thu nhập trên một đơn vị diện tích, việc lựa chọn cây trồng xen thích hợp có thể hạn chế sâu bệnh hại, cải tạo đất trồng mía và góp phần đáng kể vào việc tăng năng mía (Nguyễn Huy Hoàng và *ctv.*, 2015). Đây cũng là lý do để tài: “Nghiên cứu quy trình xen canh, luân canh bắt buộc một số loại cây trồng với mía tại các vùng nguyên liệu của tỉnh Nghệ An” được triển khai.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

- Giống mía ROC 10.
- Các giống cây đậu đỗ: Lạc L26, L23, đậu tương ĐT26, đậu xanh ĐXVN7.
- Các loại phân bón: Đạm Urê, Lân Super, Kali Clorua, phân hữu cơ Sông Gianh; thuốc bảo vệ thực vật.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp bố trí thí nghiệm

- Thí nghiệm được bố trí theo kiểu ô lớn không lặp lại trên chân đất đồi huyện Tân Kỳ và chân đất bãi huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Diện tích mỗi ô thí nghiệm 300 m².

- Thí nghiệm được tiến hành trên mía trồng mới (năm thứ nhất).

- Quy mô: 300 m²/ô × 4 ô = 1200 m².

2.2.2. Phương pháp xây dựng mô hình

Xây dựng mô hình (MH) 2 loại cây trồng lạc và đậu tương trên 2 loại đất (đất đồi, đất bãi) tại vùng nguyên liệu mía của tỉnh. Trên mỗi loại cây trồng, lựa chọn 1 giống ưu tú để tiến hành trình diễn mô hình. Diện tích mỗi mô hình: 0,5 ha.

2.2.3. Phương pháp phân tích hiệu quả kinh tế

- Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình dựa theo tỷ suất chi phí lợi nhuận cận biên (MBCR - Marginal Benefit Cost Ratio) của CIMMYT (1988) (Dẫn theo Nguyễn Huy Hoàng và *ctv.*, 2014). Hệ số MBCR tính theo công thức:

$$MBCR = \frac{\text{Tổng thu của MH mới} - \text{Tổng thu của MH cũ}}{\text{Tổng chi của MH mới} - \text{Tổng chi của MH cũ}}$$

Nếu MBCR < 1,5 lợi nhuận thấp, không nên áp dụng; MBCR từ 1,5 - 2,0, lợi nhuận trung bình, có thể chấp nhận cho mở rộng; MBCR > 2,0 lợi nhuận cao, chấp nhận cho phát triển.

2.2.4. Phương pháp xử lý số liệu thí nghiệm

Nhập và xử lý số liệu thông thường bằng chương trình MS Excel 2010.

2.2.5. Chỉ tiêu theo dõi

Theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng:

- Đối với cây mía: Theo quy chuẩn QCVN 01-131:2013/BNNPTNT.

- Đối với cây lạc: Theo quy chuẩn QCVN 01-57:2011/BNNPTNT.

- Đối với cây đậu tương: Theo quy chuẩn QCVN 01-58:2011/BNNPTNT.

- Đối với cây đậu xanh: Theo quy chuẩn QCVN 01-62:2011/BNNPTNT.

2.2.6. Phương pháp tiếp cận

- Tiếp cận theo quan điểm kế thừa: Kế thừa các

số liệu có sẵn, kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực đề tài quan tâm.

- Tiếp cận theo phương pháp nghiên cứu và phát triển hệ thống nông nghiệp (Farming Systems Research and Development).

- Tiếp cận qua điều tra, khảo sát nông hộ, tọa đàm với nhóm người lao động của các công ty sản xuất mía đường trong tỉnh để đánh giá thực trạng sản xuất mía, thực trạng áp dụng trồng xen canh và luân canh với mía.

- Tiếp cận qua thử nghiệm sản xuất trên đồng ruộng để hoàn thiện các biện pháp kỹ thuật xây dựng quy trình xen canh, luân canh một số cây trồng với mía.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại huyện Tân Kỳ (trên chân đất đồi) và Nghĩa Đàn (trên chân đất bãi), tỉnh Nghệ An từ tháng 01 năm 2016 đến tháng 12 năm 2017.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả tuyển chọn giống cây thích hợp trồng xen

3.1.1. Sinh trưởng, phát triển của các cây trồng xen với mía

Số liệu bảng 1 cho thấy: Do thời tiết thuận lợi nên thời gian mọc mầm của các loại cây trồng xen khá ngắn ngày từ 4 đến 13 ngày. Thời gian sinh trưởng của các giống lạc dao động từ 120 đến 135 ngày trên các chân đất, của các giống đậu là từ 66 - 91 ngày.

Bảng 1. Một số chỉ tiêu sinh trưởng của một số giống đậu, lạc xen mía tại Nghệ An vụ Xuân năm 2016

Địa bàn	Chi tiêu Giống	TG mọc	TGST	Chiều cao	Số cành cấp	Số cành cấp
		(ngày)	(ngày)	cây (cm)	1/cây (cành)	2/cây (cành)
Nghĩa Đàn (Đất bãi)	Lạc L23	10	120	50,5	4,3	5,0
	Lạc L26	10	125	53,7	4,8	5,5
	Đậu tương ĐT26	7	87	58,2	2,8	2,4
	Đậu tương ĐX208	4	66	76,8	6,6	4,5
Tân Kỳ (Đất đồi)	Lạc L23	13	130	59,2	4,1	4,9
	Lạc L26	13	135	68,8	4,8	5,2
	Đậu tương ĐT26	5	91	58,5	2,5	2,3
	Đậu tương ĐX208	6	70	73,5	6,9	4,3

Trong vụ Xuân, các giống lạc trồng xen với mía đều sinh trưởng và phát triển tốt, chiều cao cây đạt từ 50,5 - 68,8 cm, tỷ lệ phân cành cao (cành cấp 1: 4,3 - 4,8 trên chân đất bãi và 4,1 - 4,8 cành trên chân đất đồi). Giống đậu tương ĐT26 và giống đậu xanh ĐXVN7 có chiều cao cây đạt từ 58,2 - 76,8 cm

trên chân đất bãi và 58,5 - 73,5 cm trên chân đất đồi. Sự sinh trưởng thân lá tốt, phân cành khá của các cây trồng xen đã hạn chế được cỏ dại giữa hai hàng mía trong suốt thời kỳ mía chưa giao tán, tạo điều kiện cho mía sinh trưởng và phát triển tốt.

Bảng 2. Mức độ nhiễm sâu bệnh của một số giống đậu, lạc trồng xen mía tại Nghệ An năm 2016

Địa bàn	Công thức	Bệnh hại					Sâu hại	
		Héo xanh (%)	Đốm nâu (1 - 9)	Rỉ sắt (1 - 9)	Sương mai (1 - 9)	Phấn trắng (1 - 9)	Cuốn lá (%)	Đục quả (%)
Nghĩa Đàn (Đất bãi)	Lạc L23	1 - 3	3 - 5	3 - 5	1 - 3	0	10	-
	Lạc L26	1 - 3	3 - 5	3 - 5	1 - 3	0	10	-
	Đậu tương ĐT26	-	1 - 3	1 - 3	1 - 3	1 - 3	11	4,2
	Đậu xanh ĐX208	-	2	-	1 - 3	0	8	1,6
Tân Kỳ (Đất đồi)	Lạc L23	1 - 3	3 - 5	3 - 5	-	-	9	-
	Lạc L26	1 - 3	3 - 5	3 - 5	-	-	10	-
	Đậu tương ĐT26	-	1 - 3	1 - 3	1 - 3	-	8	4,2
	Đậu xanh ĐX208	3	2	-	-	2	9	1,6

Số liệu bảng 2 cho thấy: nhìn chung các giống đều bị sâu bệnh hại ở mức nhẹ đến trung bình. Các giống lạc nhiễm nhẹ với một số bệnh hại chính như héo xanh (điểm 1 - 3), bệnh đốm nâu (điểm 3 - 5). Các giống đậu nhiễm nhẹ các bệnh đốm nâu (điểm 1 - 3), bệnh rỉ sắt (điểm 1 - 3). Sâu cuốn lá ở mức 8 - 11%, sâu đục quả 1,6 - 4,2%.

3.1.2. Hiệu quả kinh tế của việc trồng xen các cây trồng với mía

Số liệu bảng 3 cho thấy, công thức trồng mía trồng thuần cho năng suất thực thu thấp nhất chỉ

đạt 64,91 tấn/ha trên chân đất bãi và 63,91 tấn/ha trên chân đất đồi, lãi thuần đạt từ 15,130 - 16,110 triệu đồng/ha. Công thức mía trồng xen đậu xanh cho tỷ suất lợi nhuận cận biên MBCR đạt từ 1,3 - 1,6 nên không khuyến cáo mở rộng vào sản xuất. Công thức trồng xen đậu tương với mía cho lãi thuần đạt 25,470 - 29,740 triệu đồng/ha, MBCR đạt từ 1,8 - 1,9 nên có thể mở rộng vào sản xuất. Hai công thức mía trồng xen lạc cho lãi thuần từ 47,370 - 55,240 triệu đồng/ha, MBCR đạt từ 3,1 - 3,7 nên cần được khuyến cáo mở rộng vào sản xuất.

Bảng 3. Hiệu quả kinh tế của thí nghiệm xen canh với mía tại Nghệ An năm 2016

Địa bàn	Công thức	NS mía (tấn/ha)	NS cây trồng xen (tấn/ha)	Tổng thu (triệu đồng)	Tổng chi (triệu đồng)	Lãi thuần (triệu đồng)	MBCR
Nghĩa Đàn (Đất bãi)	Trồng thuần (đ/c)	64,91	-	63,610	47,500	16,110	-
	Xen lạc L23	68,84	1,68	109,460	62,000	47,460	3,1
	Xen lạc L26	75,50	1,73	117,240	62,000	55,240	3,6
	Xen đậu tương	69,06	1,22	89,640	59,900	29,740	1,9
	Xen đậu xanh	68,09	0,75	83,230	60,150	23,080	1,6
Tân Kỳ (Đất đồi)	Trồng thuần (đ/c)	63,91	-	62,630	47,500	15,130	-
	Xen lạc L23	72,32	1,54	109,370	62,000	47,370	3,2
	Xen lạc L26	74,21	1,76	116,730	62,000	54,730	3,7
	Xen đậu tương	68,19	1,03	85,370	59,900	25,470	1,8
	Xen đậu xanh	65,13	0,70	79,320	60,150	19,170	1,3

Ghi chú: Giá mía giống 1.800 đồng/kg; mía nguyên liệu 980 đồng/kg; đậu tương giống 30.000 đồng/kg; đậu tương thương phẩm 18.000 đồng/kg; lạc giống 40.000 đồng/kg; lạc thương phẩm 25.000 đồng/kg; đậu xanh giống 40.000 đồng/kg; đậu xanh thương phẩm 22.000 đồng/kg; Đạm 12.000 đồng/kg; Lân: 4000 đồng/kg; Kali: 15.000 đồng/kg; Công lao động: 150.000 đồng/công, NPK: 4000 đồng/kg.

3.2. Kết quả xây dựng mô hình

3.2.1. Yếu tố cấu thành năng suất và năng suất các cây trồng xen

Số liệu bảng 4 cho thấy:

Trong điều kiện vụ Xuân 2017, giống lạc L26 trồng xen canh với mía trên tại cả 2 điểm đều có tổng số quả cao từ 18,4 - 19,7 quả /cây, số quả chắc

đạt từ 17,6 - 18,2 quả/cây, khối lượng 100 hạt đạt từ 75,2 - 75,3 g. Năng suất thực thu đạt từ 17,6 - 18,2 tạ/ha.

Giống đậu tương ĐT26 trồng xen mía có tổng số quả/cây đạt từ 18,4 - 19,7 quả, số quả chắc/cây đạt 20,4 - 21,4 quả, năng suất đạt 9,4 tạ/ha trên chân đất đồi và đạt 11,7 tạ/ha trên chân đất bãi.

Bảng 4. Yếu tố cấu thành năng suất và năng suất các cây trồng xen mía tại Nghệ An vụ Xuân năm 2017

Chân đất	Mô hình	Tổng số quả/cây (quả)	Số quả chắc/cây (quả)	KL 100 quả (g)	KL 100 hạt (g)	NSTT (tạ/ha)
Đất bãi (huyện Nghĩa Đàn)	Lạc xen mía	19,7	18,6	165	75,3	18,2
	Đậu tương xen mía	23,5	21,4	-	16,8	11,7
Đất đồi (huyện Tân Kỳ)	Lạc xen mía	18,4	17,2	164	75,2	17,6
	Đậu tương xen mía	21,7	20,4	-	16,9	9,4

3.2.2. Năng suất mía tại các mô hình

Kết quả theo dõi cho thấy: Khi trồng xen canh, cây trồng xen sẽ hạn chế được cỏ dại và để lại 1 lượng sinh khối lớn khi thu hoạch. Đây là lượng phân

xanh cung cấp thêm cho cây mía. Năng suất mía trên cả hai chân đất đều cao hơn so với trồng thuần 3,4 - 7,2%.

Bảng 5. Năng suất mía trong các mô hình tại các điểm triển khai năm 2017

Mô hình Chân đất	Nghĩa Đàn			Tân Kỳ		
	Mía xen lạc (tấn/ha)	Mía xen đậu tương (tấn/ha)	Mía trồng thuần (tấn/ha)	Mía xen lạc (tấn/ha)	Mía xen đậu tương (tấn/ha)	Mía trồng thuần (tấn/ha)
Đất bãi	85,2	84,1	81,3	-	-	-
Đất đôi	-	-	-	76,3	75,4	71,2

3.3. Hiệu quả kinh tế của mô hình xen canh cây đậu đỗ với mía

Số liệu bảng 6 cho thấy:

Trên chân đất đôi tại huyện Tân Kỳ, mô hình trồng xen đậu tương cho lãi thuần đạt 39,960 triệu đồng/ha, cao hơn đối chứng 9,140 triệu đồng/ha. Mô hình trồng xen lạc cho lãi thuần đạt 55,370 triệu đồng/ha, cao hơn so với trồng thuần 24,550 triệu đồng/ha. Chỉ số MBCR ở cả 2 mô hình đạt 2,18 - 3,07, cần khuyến khích nhân rộng.

Trên chân đất bãi tại huyện Nghĩa Đàn, mô hình mô hình trồng xen đậu tương cho lãi thuần đạt 56,060 triệu đồng/ha, cao hơn đối chứng 11,930 triệu đồng/ha, chỉ số MBCR đạt 1,86 nên có thể

chấp nhận cho mở rộng. Mô hình trồng xen lạc cho lãi thuần đạt 57,200 triệu đồng/ha, cao hơn so với trồng thuần 13,070 triệu đồng/ha, chỉ số MBCR đạt 2,56 nên cần khuyến khích nhân rộng.

Như vậy, biện pháp trồng xen lạc và đậu tương với mía cho hiệu quả kinh tế cao hơn rõ rệt so với mô hình đối chứng mía trồng thuần. Các mô hình trồng xen đều cho MBCR > 1,5 nên có thể mở rộng, phát triển vào sản xuất. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc duy trì hoạt động của các nhà máy đường hiện nay và sự ổn định đời sống của người dân vùng nguyên liệu khi giá mía nguyên liệu không được ổn định.

Bảng 6. Hiệu quả kinh tế của mô hình các cây trồng xen với mía trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2017

Chân đất	Mô hình	Năng suất (tấn/ha)		NS mía (tấn/ha)	Tổng Thu (triệu đồng)	Tổng chi (triệu đồng)	Lãi thuần (triệu đồng)	MBCR
		Lạc	ĐT					
Đất đôi	Mía trồng thuần	-	-	71,2	72,800	47,500	30,820	-
	Mía xen đậu tương	-	0,94	75,4	99,860	59,90	39,960	2,18
	Mía xen lạc	1,76	-	76,3	117,370	62,000	55,370	3,07
Đất bãi	Mía trồng thuần	-	-	83,3	92,900	47,500	44,130	-
	Mía xen đậu tương	-	1,17	84,1	115,910	59,850	56,060	1,86
	Mía xen lạc	1,82	-	85,2	130,120	62,000	57,200	2,56

Ghi chú: Giá mía giống: 1.800 đồng/kg; lạc giống: 40.000 đồng/kg; lạc thương phẩm: 20.000đ/kg; giá đạm 12.000 đồng/kg, lân: 4000 đồng/kg, kali: 15.000 đồng/kg, NPK: 4000 đồng/kg; công lao động: 150.000 đồng/công.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

- Qua nghiên cứu tuyển chọn giống cây trồng thích hợp cho trồng xen canh với mía tại các vùng nguyên liệu của tỉnh Nghệ An đã tuyển chọn được giống đậu tương ĐT26 và giống lạc L26 thích hợp cho trồng xen. Năng suất giống lạc L26 đạt từ 1,73 - 1,76 tấn /ha, năng suất giống đậu tương ĐT26 đạt từ 1,03 - 1,22 tấn /ha tại các điểm triển khai.

- Biện pháp trồng xen canh lạc và đậu tương với mía cho hiệu quả kinh tế rõ rệt đối với mía trồng thuần và có khả năng áp dụng và mở rộng vào thực tiễn sản xuất. Các mô hình trồng xen lạc, đậu tương cho thu nhập cao hơn mô hình mía trồng thuần từ 9,140 - 24,550 triệu đồng/ha tại các điểm triển khai, tỷ suất chi phí lợi nhuận cận biên so với mô hình đối chứng đạt từ 1,86 - 3,07 nên cần được khuyến cáo mở rộng vào sản xuất

4.2. Kiến nghị

Tiếp tục chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới tới người dân ở các vùng miền khác nhau của tỉnh Nghệ An, khuyến khích người dân áp dụng kỹ thuật xen canh cây lạc, đậu tương với mía nhằm thay đổi tập quán canh tác cũ để nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích.

UBND tỉnh Nghệ An và các địa phương cần có các cơ chế, chính sách hỗ trợ cụ thể nhằm khuyến khích người dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2011. QCVN 01-57:2011/BNNPTNT. Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống lạc.

Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2011. QCVN 01-58:2011/BNNPTNT. Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống đậu tương.

Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2013. QCVN 01-131:2013/BNNPTNT. Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống mía.

Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2011. QCVN 01-62:2011/BNNPTNT. Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống đậu xanh.

Nguyễn Huy Hoàng (chủ biên), Nguyễn Đình Hiền, Lê Quốc Thanh, 2014. *Thiết kế, thi công thí nghiệm, xử lý số liệu và phân tích kết quả trong nghiên cứu nông nghiệp*. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội.

Nguyễn Huy Hoàng và ctv., 2015. Nghiên cứu quy trình xen canh, luân canh bắt buộc một số loại cây trồng với mía tại Thanh Hóa. Báo cáo tổng kết Đề tài KHCN cấp tỉnh năm 2015.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An, 2018. Báo cáo tình hình sản xuất ngành trồng trọt trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2016 - 2017.

Selection of legume varieties and building the intercropping model of soybean with sugarcane in Nghe An

Hoang Tuyen Phuong, Nguyen Huy Hoang,
Tran Quang Tung, Tran Cong Hanh, Tong Van Giang

Abstract

The Center for Technology Development and Agricultural Extension (Vietnam Academy of Agricultural Sciences) conducted selection of legume varieties and intercropping model of compulsory rotation of some legumes with sugarcane during the period of 2016 - 2017 in Nghe An province. The results identified peanut variety L26, soybean variety DT26 were suitable for intercropping with sugarcane in raw material sugarcane areas. The effectiveness from models of intercropping legumes with sugarcane was recorded by income from 39.960 to 55.370 million VND/ha, higher than sugarcane monocrop from 9.140 - 24.550 million VND/ha on foot hill land and 56.060 - 57.200 million VND/ha, higher than sugarcane monocrop from 11.93 - 13.07 million VND/ha on riparian land. The marginal profit margin (MBCR) of soybean model intercropping with sugarcane reached from 1.86 to 3.07 in comparison to sugarcane monocrop model, so it is recommended to expand into production.

Keywords: Legumes, sugarcane, selection, intercropping, Nghe An province

Ngày nhận bài: 17/9/2019
Ngày phản biện: 8/10/2019

Người phản biện: TS. Phạm Văn Linh
Ngày duyệt đăng: 8/11/2019

KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN GIỐNG NHO ĂN TƯƠI NH01-152 TẠI NINH THUẬN

Mai Văn Hào¹, Phan Công Kiên¹, Lê Trọng Tình¹, Phạm Văn Phước¹,
Phan Văn Tiêu¹, Nại Thanh Nhân¹, Võ Minh Thư¹, Phạm Trung Hiếu¹

TÓM TẮT

Giống nho NH01-152 do Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hồ tuyển chọn từ vườn tập đoàn các giống nho ở Nha Hồ. Kết quả đánh giá, so sánh, khảo nghiệm VCU và khảo nghiệm sản xuất đã cho thấy, giống nho NH01-152 có khả năng thích nghi tốt với điều kiện khí hậu thời tiết, thổ nhưỡng ở Ninh Thuận. Giống NH01-152 có thời gian sinh trưởng trung bình 115 đến 130 ngày; có tiềm năng năng suất cao: khối lượng chùm quả

¹ Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ